

Name:

Listening:

Class: S4...

Ngày làm bài: Thứ....., ngày...../.....



CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Các con nghe bài ở link này: <https://soundcloud.com/ms-chi-english/old-flyers-2-test-3-part-3>

Part 3

– 5 questions –

Jim's mum went shopping and bought lots of presents for her friends. What did she buy for each person?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



Tony



Sarah



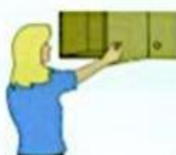
Richard



Betty



Robert



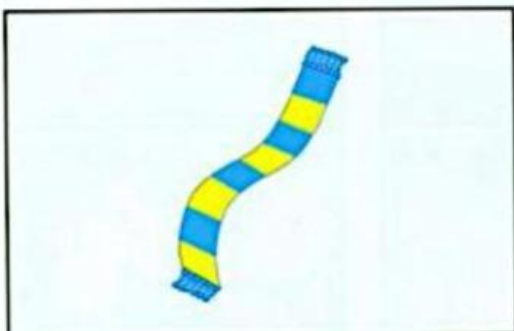
Lucy



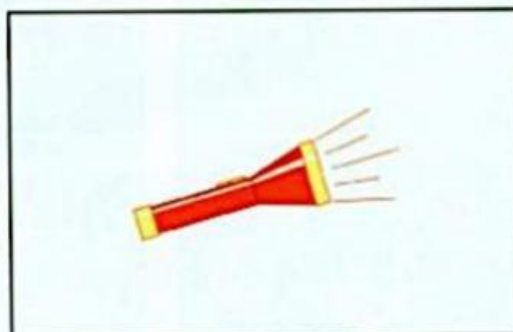
A



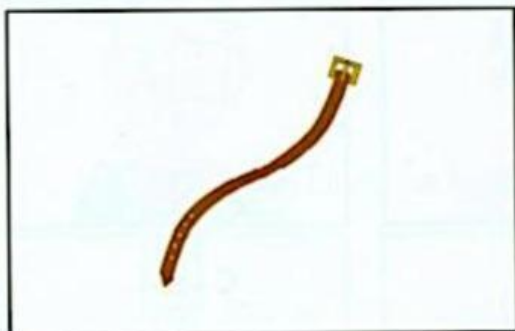
B



C



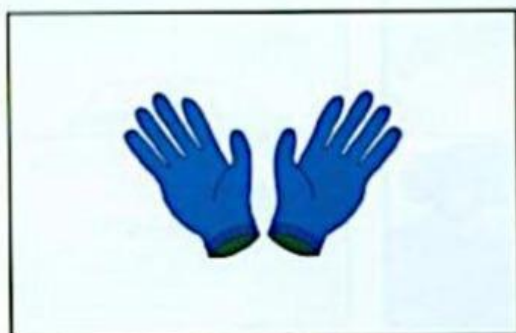
D



E



F



G



H

Name:

Vocabulary + Grammar:

Class: S4...

Listening:

Ngày giao bài: Thứ....., ngày...../.....



Mini test:

Ngày nộp bài: Thứ....., ngày...../.....

GIVING DIRECTIONS - VOCABULARY & FLYERS LISTENING PRACTICE

A. VOCABULARY

❖ Giving directions

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	go straight on (phr)	đi thẳng	6	go through sth (phr)	đi xuyên qua cái gì đó
2	turn left (phr)	rẽ trái	7	go along sth (phr)	đi dọc theo cái gì đó
3	turn right (phr)	rẽ phải	8	go past sth (phr)	đi qua cái gì đó
4	at the first corner (phr)	ở ngã rẽ thứ nhất	9	It's on the left (sentence)	Nó nằm ở bên trái
5	at the second corner (phr)	ở ngã rẽ thứ hai	10	It's on the right (sentence)	Nó nằm ở bên phải

❖ Extra vocabulary

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	flat (n)	căn hộ, chung cư	3	mechanic (n)	thợ máy, thợ sửa xe
2	downstairs (n)	tầng dưới	4	travel agent (n)	đại lý du lịch


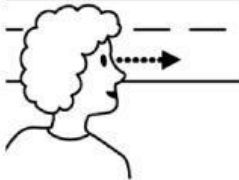



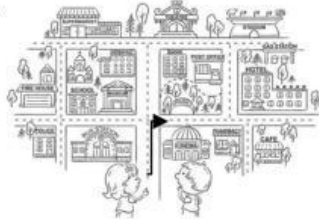
* **Note:** *phr* = *phrase*: cụm từ; *n* = *noun*: danh từ; *sentence*: câu; *sth* = *something*: cái gì đó.

* *Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi*

B. HOMEWORK

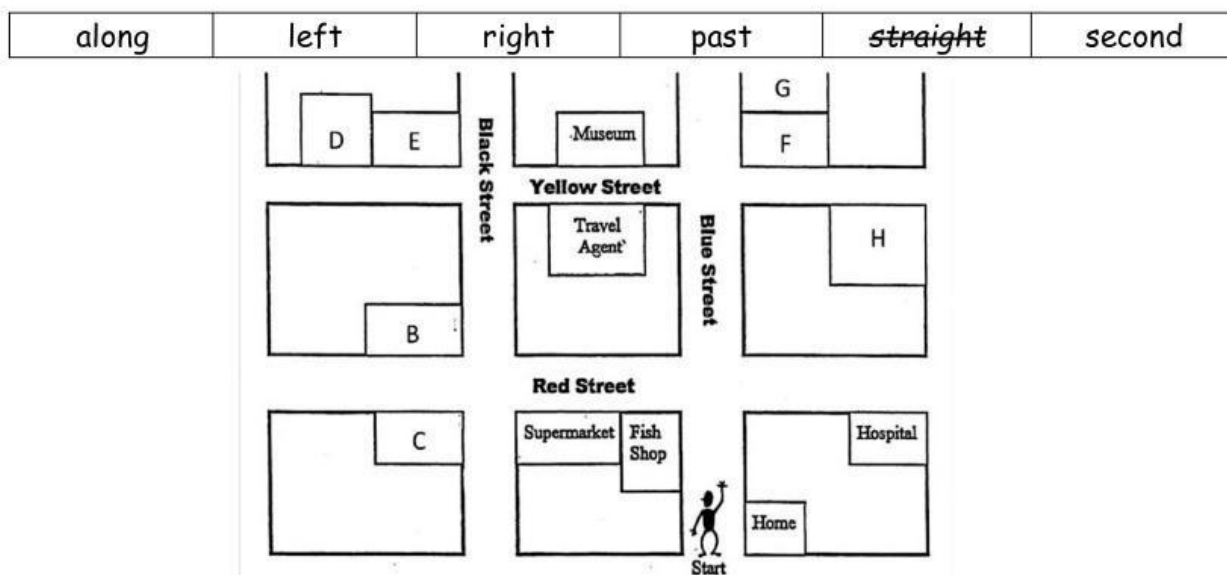
I. Circle the correct answer to match each picture.

(Khoanh tròn đáp án đúng tương ứng với mỗi hình ảnh.)

<p>0.</p>  <p>A. turn left B. turn right</p>	<p>1.</p>  <p>A. on the left B. on the right</p>	<p>2.</p>  <p>A. go straight on B. turn left</p>
<p>3.</p>  <p>A. go along B. turn left</p>	<p>4.</p>  <p>A. go along B. go past</p>	<p>5.</p>  <p>A. at the first corner B. at the second corner</p>

II. Look at the picture and fill in the blanks with the given words.

(Nhìn vào bức tranh và điền vào chỗ trống với những từ đã cho sẵn.)



Sarah: Where are you now, Mike?

Mike: I'm at Nick's home now. How can I get to the supermarket?

Sarah: Go (0) straight on, turn left at the first corner. It's on the (1) _____. You just need to go (2) _____ the fish shop.

Mike: Thank you. And how can I get to the hospital?

Sarah: Turn (3) _____ at the first corner. It's on the right.

Mike: I would like to go to the museum as well.

Sarah: Go (4) _____ the Blue Street, turn left at the (5) _____ corner. It's opposite the travel agent.

Mike: It's very nice of you!

III. Fill in the blanks with the COMPARATIVE and SUPERLATIVE form of adjectives.

(Điền vào chỗ trống với dạng SO SÁNH HƠN và SO SÁNH NHẤT của tính từ.)

0. My house is bigger than (**big**) your house.

1. This test is _____ (**easy**) the last one.

2. Today is _____ (**hot**) yesterday.

3. She is _____ (**tall**) girl in the class.

4. This is _____ (**interesting**) book I have ever read.

5. He is _____ (**good**) player on the team.

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Các con nghe bài ở link sau: <https://soundcloud.com/ms-chi-english/old-flyers-2-test-1-part-3>

Part 3 – 5 questions –

The people who live in the flats all get up at different times. At what time does each person get up?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



businessman



mechanic



university student



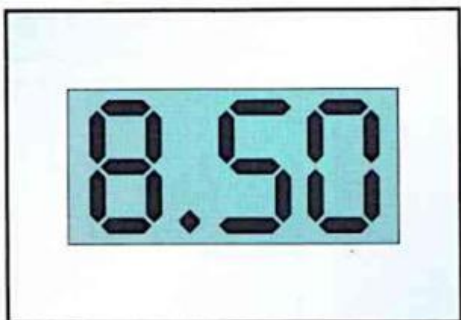
nurse



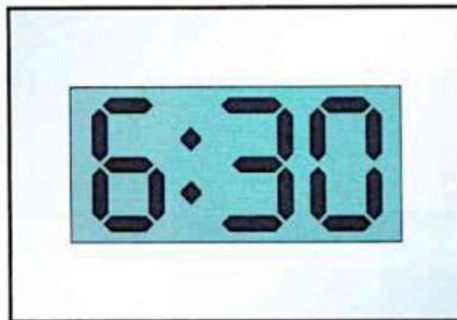
astronaut



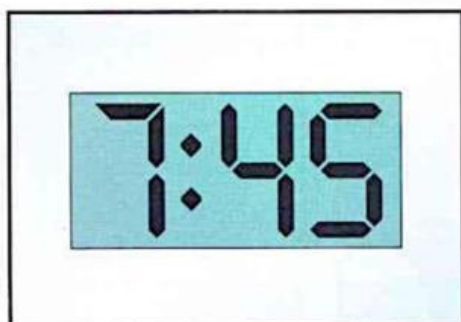
policewoman



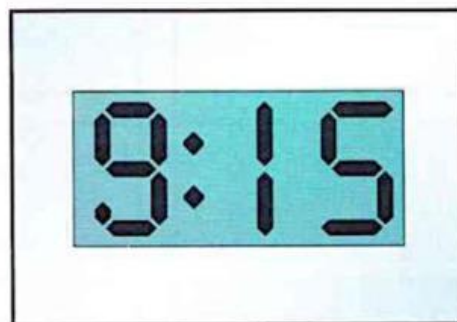
A



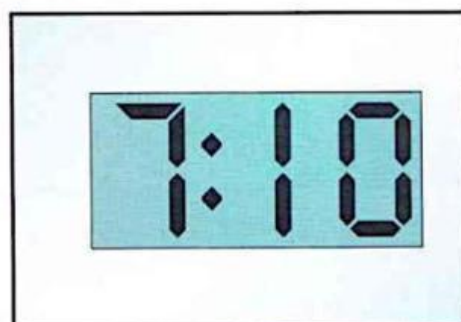
B



C



D



E



F



G



H